



# CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 112 + 113

Ngày 15 tháng 7 năm 2023

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- |            |   |    |
|------------|---|----|
| 21-6-2023- | Quyết định số 2534/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực tổ chức phi chính phủ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ.  | 3  |
| 21-6-2023- | Quyết định số 2535/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quy hoạch - kiến trúc thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.                       | 33 |
| 21-6-2023- | Quyết định số 2536/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quy hoạch - kiến trúc thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện. | 50 |

- 22-6-2023- Quyết định số 2550/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. 66
- 22-6-2023- Quyết định số 2552/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch triển khai và giám sát việc thực hiện Cuộc vận động “Người dân Thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch, xanh và thân thiện môi trường” trong năm 2023. 77

## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2534/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực tổ chức phi chính phủ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2706/TTr-SNV ngày 05 tháng 6 năm 2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 15 thủ tục hành chính lĩnh

vực tổ chức phi chính phủ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ gồm: 11 thủ tục hành chính sửa đổi và 04 thủ tục mới ban hành.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ: <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 5456/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**A. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi**

**A1. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Nội vụ**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Thủ tục thành lập hội	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Đối với hội có phạm vi hoạt động trong Thành phố Hồ Chí Minh, trong quận, huyện, phường, xã, thị trấn (trừ thành phố Thủ Đức): - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nội vụ (số 86B, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1). - Công dịch vụ công Thành phố.	Không	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và	Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND Thành phố (khoản 2 Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>Nghị định số 33/2012/NĐ-CP.</p> <p>- Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV.</p> <p>- Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 15/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ về lĩnh vực tổ chức phi chính phủ.</p> <p>- Quyết định số 54/2011/QĐ-UBND ngày 03/8/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phân công quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Thành phố về ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	
2	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Đối với hội có phạm vi hoạt động trong Thành phố Hồ Chí Minh: - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nội vụ (số 86B, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1). - Công dịch vụ công Thành phố.	Không	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2014/TT-	- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND Thành phố (khoản 3 Điều 1 Nghị định số 33/2012/NĐ-CP)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV.</p> <p>- Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 15/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ về lĩnh vực tổ chức phi chính phủ.</p> <p>- Quyết định số 54/2011/QĐ-UBND ngày 03/8/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phân công quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức</p>	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	
3	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Đối với hội có phạm vi hoạt động trong Thành phố Hồ Chí Minh, trong quận, huyện, phường, xã, thị trấn (trừ thành phố Thủ Đức): - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nội vụ (số 86B, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1). - Công dịch vụ công Thành phố.	Không	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số	- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND Thành phố (khoản 4 Điều 1 Nghị định số 33/2012/NĐ-CP)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>03/2013/TT-BNV.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 15/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ về lĩnh vực tổ chức phi chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 54/2011/QĐ-UBND ngày 03/8/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phân công quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Hồ Chí Minh.	
4	Thủ tục đổi tên hội	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Đối với hội có phạm vi hoạt động trong Thành phố Hồ Chí Minh, trong quận, huyện, phường, xã, thị trấn (trừ thành phố Thủ Đức): - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nội vụ (số 86B, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1). - Công dịch vụ công Thành phố.	Không	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa	- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND Thành phố (khoản 3 Điều 10 Thông tư số 03/2013/TT-BNV)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>đôi Thông tư số 03/2013/TT-BNV.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 15/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ về lĩnh vực tổ chức phi chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 54/2011/QĐ-UBND ngày 03/8/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phân công quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	
5	Thủ tục hội tự giải thể	15 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn thanh toán nợ và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của hội khi xin giải thể mà không có đơn khiếu nại.	Đối với hội có phạm vi hoạt động trong Thành phố Hồ Chí Minh, trong quận, huyện, phường, xã, thị trấn (trừ thành phố Thủ Đức): - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nội vụ (số 86B, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1). - Công dịch vụ công Thành phố.	Không	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa	1. Thời hạn giải quyết 15 ngày (Điều 28 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP) 2. Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND Thành phố (Điều 28 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>đôi Thông tư số 03/2013/TT-BNV.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 15/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ về lĩnh vực tổ chức phi chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 54/2011/QĐ-UBND ngày 03/8/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phân công quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	
6	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Đối với hội có phạm vi hoạt động trong Thành phố Hồ Chí Minh: - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nội vụ (số 86B, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1). - Công dịch vụ công Thành phố.	Không	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV.	1. Thẩm quyền quyết định: Sở Nội vụ (khoản 2 Điều 6 Quyết định số 54/2011/QĐ-UBND) 2. Trình tự thực hiện <u>Bước 1:</u> Ban lãnh đạo hội gửi hồ sơ báo cáo về việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường đến Sở Nội vụ và Sở quản lý ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động. <u>Bước 2:</u> Cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 15/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ về lĩnh vực tổ chức phi chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 54/2011/QĐ-UBND ngày 03/8/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phân công quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố</li> </ul>	<p>đủ và hợp pháp.</p> <p><u>Bước 3:</u> Kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp, Sở Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ và thực hiện quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan, tổng hợp các ý kiến góp ý, đề nghị bổ sung hồ sơ (nếu có).</p> <p><u>Bước 4:</u> Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ báo cáo đầy đủ và hợp pháp, Sở Nội vụ có ý kiến bằng văn bản về việc tổ chức đại hội.</p>



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Hồ Chí Minh.	
7	Thủ tục cho phép hội đặt Văn phòng đại diện	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Đối với hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh: - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nội vụ (số 86B, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1). - Công dịch vụ công Thành phố.	Không	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV.	- Thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố (khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 15/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ về lĩnh vực tổ chức phi chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 54/2011/QĐ-UBND ngày 03/8/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phân công quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.</li> </ul>	

**A2. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi thuộc thẩm quyền tiếp nhận của các sở thuộc Ủy ban nhân Thành phố**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Đối với hội có phạm vi hoạt động trong Thành phố Hồ Chí Minh: - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của sở quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội dự kiến hoạt động. - Công dịch vụ công Thành phố.	Không	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV. - Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 15/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ về lĩnh vực tổ chức phi chính phủ. - Quyết định số 54/2011/QĐ-	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					UBND ngày 03/8/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phân công quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	

### A3. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trường hợp hội hoạt động trong phạm vi quận, huyện, phường, xã, thị trấn: Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức	Không	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày	Thẩm quyền quyết định 1) Trường hợp hội hoạt động trong phạm vi quận, huyện, phường, xã, thị trấn (trừ thành phố Thủ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.</p> <p>- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP.</p> <p>- Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV.</p> <p>- Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 15/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ về lĩnh vực tổ chức phi chính phủ.</p> <p>- Quyết định số 54/2011/QĐ-UBND ngày</p>	<p>Đức): Chủ tịch UBND quận, huyện (khoản 1 Điều 3 Quyết định số 54/2011/QĐ-UBND)</p> <p>2) Trường hợp hội hoạt động trong phạm vi thành phố Thủ Đức: Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức (khoản 1 Điều 3 Quyết định số 54/2011/QĐ-UBND)</p> <p>3) Trường hợp hội hoạt động trong các phường thuộc thành phố Thủ Đức: phòng chuyên môn thuộc UBND thành phố Thủ Đức (khoản 5 Điều 6 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP)</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					03/8/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phân công quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	
2	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trường hợp hội hoạt động trong phạm vi quận, huyện, phường, xã, thị trấn: Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.	Không	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.	Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức đối với hội hoạt động trong phạm vi quận, huyện, phường, xã, thị trấn (khoản 2 Điều 3 Quyết định số 54/2011/QĐ-UBND, khoản 2 Điều 2

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP.</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV.</li> <li>- Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 15/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ về lĩnh vực tổ chức phi chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 54/2011/QĐ-UBND ngày 03/8/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phân công quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa</li> </ul>	Quyết định số 3230/QĐ-UBND)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	
3	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trường hợp hội hoạt động trong phạm vi quận, huyện, phường, xã, thị trấn: Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức	Không	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị	Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức đối với hội hoạt động trong phạm vi quận, huyện, phường, xã, thị trấn (khoản 2 Điều 3 Quyết định số 54/2011/QĐ-UBND).



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP.</p> <p>- Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV.</p> <p>- Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 15/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ về lĩnh vực tổ chức phi chính phủ.</p> <p>- Quyết định số 54/2011/QĐ-UBND ngày 03/8/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phân công quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Thành phố về ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	

**B. Danh mục thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Thủ tục thành lập hội	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức đối với hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, phường thuộc thành phố Thủ Đức	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.</li> <li>- Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.</li> <li>- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định</li> </ul>	Thẩm quyền giải quyết: Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức (Điều 2 Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 23/9/2022)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>số 33/2012/NĐ-CP.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV.</li> <li>- Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 15/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ về lĩnh vực tổ chức phi chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 54/2011/QĐ-UBND ngày 03/8/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phân công quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Minh.	
2	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức đối với hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, phường thuộc thành phố Thủ Đức	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.</li> <li>- Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.</li> <li>- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP.</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV.</li> <li>- Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 15/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội</li> </ul>	Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức (khoản 2 Điều 2 Quyết định số 3230/QĐ-UBND)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>vụ về lĩnh vực tổ chức phi chính phủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 54/2011/QĐ-UBND ngày 03/8/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phân công quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.</li> </ul>	
3	Thủ tục đổi tên hội	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức đối với hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, phường thuộc thành phố Thủ Đức	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.</li> <li>- Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-</li> </ul>	Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức (khoản 2 Điều 2 Quyết định số 3230/QĐ-UBND)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Đức		<p>CP.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP.</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV.</li> <li>- Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 15/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ về lĩnh vực tổ chức phi chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 54/2011/QĐ-UBND ngày 03/8/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phân công quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của Chủ</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	
4	Thủ tục hội tự giải thể	15 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn thanh toán nợ và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của hội khi xin giải thể mà không có đơn khiếu nại.	Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức đối với hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, phường thuộc thành phố Thủ Đức	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.</li> <li>- Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.</li> <li>- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP.</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số</li> </ul>	Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức (khoản 2 Điều 2 Quyết định số 3230/QĐ-UBND)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>03/2013/TT-BNV.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 15/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ về lĩnh vực tổ chức phi chính phủ.</li><li>- Quyết định số 54/2011/QĐ-UBND ngày 03/8/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phân công quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</li><li>- Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.</li></ul>	



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2535/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính  
trong lĩnh vực quy hoạch - kiến trúc thuộc thẩm quyền tiếp nhận  
của Sở Quy hoạch - Kiến trúc**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt phương án tái cấu trúc, đơn giản hóa thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 1359/TTr-SQHKT ngày 20 tháng 4 năm 2023,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này 02 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc theo các tiêu chí, phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-boTTHC.aspx>

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP tại các cơ quan, đơn vị.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH****Phan Văn Mãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
LĨNH VỰC QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC THUỘC THẨM QUYỀN  
TIẾP NHẬN CỦA SỞ QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ**

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I. Lĩnh vực quy hoạch - kiến trúc</b>		
1.	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền của cấp UBND cấp tỉnh	
2.	Thẩm định Đồ án, Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	

**QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ TÁI CẤU TRÚC  
QUY TRÌNH SỐ 01**

**Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của  
dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh  
thuộc thẩm quyền của cấp UBND cấp tỉnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

<b>ST T</b>	<b>Tên hồ sơ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1</b>	Tờ trình đề nghị thẩm định Nhiệm vụ	03	Bản chính
<b>2</b>	Thuyết minh nội dung Nhiệm vụ	03	Bản chính
<b>3</b>	Dự thảo Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ	01	Bản chính
<b>4</b>	(*) Thành phần bản vẽ	03	Bản chính
<b>5</b>	Các văn bản pháp lý có liên quan	03	Bản sao

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ**

<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả</b>	<b>Thời gian xử lý</b>	<b>Lệ phí</b>
Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Quy hoạch - Kiến trúc địa chỉ số 168 đường Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1	20 ngày (tương đương 15 ngày làm việc) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

**III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC**

<b>Bước công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Hồ sơ/Biểu mẫu</b>	<b>Diễn giải</b>
	<b>Nộp hồ sơ</b>	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
<b>B1</b>	<b>Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5 ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03.	<p><b>1. Tiếp nhận trực tiếp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</li> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03</li> </ul> <p><b>2. Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</li> <li>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ</li> </ul>

					<p>theo yêu cầu</p> <p>=&gt; thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p> <p>Bộ phận một cửa chuyển hồ sơ về chuyên viên thụ lý hồ sơ của 02 phòng phụ trách: phòng hạ tầng kỹ thuật và phòng chuyên môn</p>
<b>B2</b>	<b>Thẩm định hồ sơ</b>	Chuyên viên phòng hạ tầng kỹ thuật	4,0 ngày làm việc	Mục I BM 01 Hồ sơ trình	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham mưu nội dung báo Hội đồng chuyên môn (phần hạ tầng kỹ thuật), trình lãnh đạo phòng xem xét và chuyển Phòng chuyên môn.</li> <li>- Lưu ý: Tổng thời gian B.2 là 5 ngày bao gồm cả thời gian tổng hợp kết quả giải quyết của hai Phòng là 02 ngày và do Phòng chuyên môn đảm nhận. Do đó, Phòng hạ tầng kỹ thuật phải hoàn thành trước chuyển Phòng chuyên môn thời gian còn lại đủ để Phòng chuyên môn tổng hợp</li> <li>- Chuyên viên Phòng chuyên môn xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ;</li> <li>- Tổng hợp ý kiến của Phòng hạ tầng kỹ thuật, tham mưu nội dung (Biên bản hội đồng) để báo Hội đồng chuyên môn.</li> </ul>
		Chuyên viên phòng chuyên môn			
<b>B3</b>	<b>Xem xét</b>	Lãnh đạo Phòng hạ tầng kỹ thuật	01 ngày làm việc	Mục I BM 01 Hồ sơ trình	<p>Trong thời gian tối đa 01 ngày làm việc Lãnh đạo phòng hạ tầng kỹ thuật kiểm tra nội dung đề xuất của chuyên viên thụ lý và ký xác nhận nội dung báo cáo Hội đồng để chuyển phòng chuyên môn.</p>
		Lãnh đạo Phòng chuyên			

		môn			Lãnh đạo phòng chuyên môn kiểm tra nội dung đề xuất của chuyên viên thụ lý; ký xác nhận nội dung phiếu thụ lý và Biên bản hội đồng
<b>B4</b>	<b>Họp hội đồng chuyên môn</b>	Hội đồng chuyên môn	01 ngày làm việc	Mục I BM 01 Biên bản hội đồng	Tổ chức họp Hội đồng chuyên môn theo quy chế hoạt động của Hội đồng; lập Biên bản chuyển Phòng chuyên môn để thực hiện tiếp B.4.
<b>B.5</b>	<b>Hoàn thiện hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết</b>	Chuyên viên Phòng hạ tầng kỹ thuật	4,0 ngày làm việc	Mục I BM 01 Kết quả giải quyết	<p>+ Dự thảo kết quả thẩm định kèm bản vẽ và thuyết minh chỉnh sửa nếu có phần hạ tầng kỹ thuật (trường hợp không đạt);</p> <p>+ Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt; ký nháy 03 bộ bản vẽ 03 tập thuyết minh phần hạ tầng kỹ thuật trình lãnh đạo Phòng hạ tầng kỹ thuật xem xét (trường hợp đạt).</p> <p>+ Lưu ý: Tổng thời gian B.4 là 4 ngày bao gồm cả thời gian tổng hợp kết quả giải quyết của hai Phòng là 02 ngày và do Phòng chuyên môn đảm nhận. Do đó, Phòng hạ tầng kỹ thuật phải hoàn thành trước chuyển Phòng chuyên môn thời gian còn lại đủ để Phòng chuyên môn tổng hợp.</p>
		Chuyên viên Phòng chuyên môn			<p>+ Tổng hợp nội dung của Phòng hạ tầng kỹ thuật, dự thảo kết quả thẩm định kèm bản vẽ và thuyết minh chỉnh sửa nếu có (trường hợp không đạt);</p> <p>+ Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt; ký nháy 03 bộ bản vẽ 03 tập</p>

					thuyết minh, Phiếu báo trình lãnh đạo Phòng xem xét (trường hợp đạt).
<b>B.6</b>	<b>Xem xét</b>	Lãnh đạo Phòng hạ tầng kỹ thuật	2,5 ngày làm việc	Mục I BM 01 Kết quả giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký nháy dự thảo kết quả thẩm định kèm bản vẽ và thuyết minh chỉnh sửa nếu có (trường hợp không đạt);</li> <li>- Ký nháy Tờ trình thẩm định, dự thảo quyết định phê duyệt, 03 tập thuyết minh, 03 bộ bản vẽ (phần hạ tầng kỹ thuật trường hợp đạt).</li> </ul> <p>Lưu ý: thời gian Lãnh đạo phòng hạ tầng kỹ thuật kiểm tra và ký nháy tối đa 01 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ trình từ chuyên viên hạ tầng kỹ thuật.</p> <p>Chuyển Phòng chuyên môn để tổng hợp giải quyết tiếp.</p>
		Lãnh đạo Phòng chuyên môn		Mục I; BM 01 Kết quả giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra rà soát nội dung tổng hợp phần Phòng hạ tầng kỹ thuật.</li> <li>- Ký nháy dự thảo kết quả thẩm định kèm bản vẽ và thuyết minh chỉnh sửa nếu có (phần kiến trúc trường hợp không đạt);</li> <li>- Ký nháy tờ trình thẩm định, dự thảo quyết định phê duyệt, 03 tập thuyết minh, 03 bộ bản vẽ phần kiến trúc (trường hợp đạt); Phiếu báo.</li> </ul>
<b>B.7</b>	<b>Ký duyệt</b>	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày làm việc	Mục I; BM 01 Kết quả giải quyết	<p>Lãnh đạo Sở xem xét, ký duyệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký duyệt kết quả thẩm định kèm bản vẽ và thuyết minh chỉnh sửa nếu có (trường hợp không đạt);</li> <li>- Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt và 03 bộ bản vẽ</li> </ul>



					và 03 tập thiết minh; Phiếu báo (trường hợp đạt).
<b>B.8</b>	<b>Ban hành văn bản</b>	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc	Mục I; BM 01 Kết quả giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên viên lấy số, đóng dấu phát hành Kết quả thẩm định chuyển bộ tiếp nhận trả kết quả.</li> <li>+ Kết quả thẩm định kèm bản vẽ và thuyết minh chỉnh sửa nếu có (trường hợp không đạt);</li> <li>+ Chuyên viên lấy số, đóng dấu Tờ trình thẩm kèm 03 thuyết minh, 03 bộ bản vẽ, dự thảo Quyết định phê duyệt trình UBND Thành phố; Phiếu báo (trường hợp đạt)</li> </ul>
<b>B.9</b>	<b>Trả kết quả</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Kết thúc	Kết quả giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả thẩm định kèm bản vẽ và thuyết minh chỉnh sửa nếu có (trường hợp không đạt);</li> <li>- Tờ trình thẩm định kèm 03 tập thuyết minh, 03 bộ bản vẽ, dự thảo Quyết định phê duyệt trình UBND Thành phố; Phiếu báo gửi chủ đầu tư (trường hợp đạt).</li> </ul>

**IV. BIỂU MẪU**

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3	BM 03	Mẫu phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ

**V.HỒ SƠ CẦN LƯU**

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
	//	Thành phần hồ sơ theo Mục I
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)

3	BM 03	Mẫu phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
5	//	Các hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

## VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng./.

**QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ TÁI CẤU TRÚC  
QUY TRÌNH SỐ 02**

**Thẩm định Đồ án, Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án  
đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh  
thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

<b>STT</b>	<b>Tên hồ sơ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1</b>	Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án	03	Bản chính
<b>2</b>	Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ.	03	Bản chính
<b>3</b>	Dự thảo quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch	01	Bản chính
<b>4</b>	(*) Phụ lục kèm theo thuyết minh	03	Bản chính
<b>5</b>	Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch	01	Bản chính
<b>6</b>	(**) Thành phần bản vẽ	03	Bản chính
<b>7</b>	Các văn bản pháp lý có liên quan	03	Bản sao

(\*) Theo khoản 5, Điều 12; khoản 4, Điều 13; khoản 3, Điều 29; khoản 4, Điều 30 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 (hiệu lực ngày 01/01/2023).

(\*\*) Theo khoản 1, Điều 12; khoản 1, Điều 13; khoản 1, Điều 29; khoản 1, Điều 30 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 (hiệu lực ngày 01/01/2023).

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ**

<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả</b>	<b>Thời gian xử lý</b>	<b>Lệ phí</b>
Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Quy hoạch - Kiến trúc địa chỉ số 168 đường Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1	25 ngày (tương đương 19 ngày làm việc) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

### III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	<b>Nộp hồ sơ</b>	Tổ chức, cá nhân		Mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
<b>B.1</b>	<b>Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5 ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03	<p><b>1. Tiếp nhận trực tiếp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</li> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03</li> </ul> <p><b>2. Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</li> <li>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu</li> </ul> <p>=&gt; thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể</p>

					<p>từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p> <p>Bộ phận một cửa chuyển hồ sơ về chuyên viên thụ lý hồ sơ của 02 phòng phụ trách: phòng hạ tầng kỹ thuật và phòng chuyên môn</p>
	<b>Thẩm định hồ sơ, báo cáo hội đồng chuyên môn</b>	Chuyên viên Phòng hạ tầng kỹ thuật	06 ngày làm việc	Mục I BM 01 Hồ sơ trình	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham mưu nội dung báo Hội đồng chuyên môn (phần hạ tầng kỹ thuật), trình lãnh đạo phòng xem xét và chuyển Phòng chuyên môn.</li> <li>- Lưu ý: Tổng thời gian B.2 là 07 ngày bao gồm cả thời gian tổng hợp kết quả của hai Phòng là 02 ngày và do Phòng chuyên môn đảm nhận. Do đó, Phòng hạ tầng kỹ thuật phải hoàn thành trước chuyển Phòng chuyên môn thời gian còn lại đủ để Phòng chuyên môn tổng hợp.</li> <li>- Chuyên viên Phòng chuyên môn xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ;</li> <li>- Tổng hợp ý kiến của Phòng hạ tầng kỹ thuật, tham mưu nội dung (Biên bản hội đồng) để báo Hội đồng chuyên môn.</li> </ul>
		Chuyên viên Phòng chuyên môn			
B3	<b>Xem xét</b>	Lãnh đạo Phòng hạ tầng kỹ thuật	01 ngày làm việc	Mục I BM 01 Hồ sơ trình	<p>Lãnh đạo phòng hạ tầng kỹ thuật kiểm tra nội dung đề xuất của chuyên viên thụ lý và ký xác nhận nội dung báo cáo Hội đồng để chuyển phòng chuyên môn.</p> <p>Lãnh đạo phòng chuyên môn kiểm tra nội dung đề xuất của chuyên viên thụ lý; ký xác nhận nội dung phiếu thụ lý và Biên bản hội đồng.</p>
		Lãnh đạo Phòng chuyên môn			
<b>B.4</b>	<b>Họp hội đồng chuyên môn</b>	Hội đồng chuyên môn	02 ngày làm việc	Mục I BM 01 Biên bản hội đồng	<p>Tổ chức họp Hội đồng chuyên môn theo quy chế hoạt động của Hội đồng; lập Biên bản chuyển Phòng chuyên môn để thực hiện tiếp B.4.</p>

<b>B.5</b>	<b>Hoàn thiện hồ sơ, đề xuất giải quyết</b>	Chuyên viên phòng Phòng hạ tầng kỹ	5,0 ngày làm việc	Mục I BM 01 Kết quả giải quyết	<p>+ Dự thảo kết quả thẩm định kèm bản vẽ và thuyết minh, quy định quản lý theo đồ án chỉnh sửa nếu có phần hạ tầng kỹ thuật (trường hợp không đạt);</p> <p>+ Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt; ký nháy 03 bộ bản vẽ 03 tập thuyết minh, 03 tập quy định quản lý theo đồ án phần hạ tầng kỹ thuật trình lãnh đạo Phòng hạ tầng kỹ thuật xem xét (trường hợp đạt).</p> <p>+ Lưu ý: Tổng thời gian B.4 là 5 ngày bao gồm cả thời gian tổng hợp kết quả giải quyết của hai Phòng là 02 ngày và do Phòng chuyên môn đảm nhận. Do đó, Phòng hạ tầng kỹ thuật phải hoàn thành trước chuyển Phòng chuyên môn thời gian còn lại đủ để Phòng chuyên môn tổng hợp.</p>
		Chuyên viên phòng chuyên môn			<p>+ Tổng hợp nội dung của Phòng hạ tầng kỹ thuật, dự thảo kết quả thẩm định kèm bản vẽ và thuyết minh, quy định quản lý theo đồ án chỉnh sửa nếu có (trường hợp không đạt);</p> <p>+ Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt; ký nháy 03 bộ bản vẽ 03 tập thuyết minh, 03 tập quy định quản lý theo đồ án, Phiếu báo trình lãnh đạo Phòng xem xét (trường hợp đạt)</p>
<b>B.6</b>	<b>Xem xét</b>	Lãnh đạo Phòng hạ tầng kỹ thuật	02 ngày làm việc	Mục I BM 01 Kết quả giải quyết	<p>- Ký nháy dự thảo kết quả thẩm định kèm bản vẽ và thuyết minh, quy định quản lý theo đồ án chỉnh sửa nếu có (trường hợp không đạt);</p> <p>- Ký nháy Tờ trình thẩm định, dự thảo quyết định phê duyệt, 03 tập thuyết minh, 03 bộ bản vẽ, 03 tập quy định quản lý theo đồ án (phần hạ tầng kỹ thuật trường hợp đạt).</p> <p>Lưu ý: thời gian Lãnh đạo phòng</p>

					<p>hạ tầng kỹ thuật kiểm tra và ký nháy tối đa 01 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ trình từ chuyên viên hạ tầng kỹ thuật.</p> <p>Chuyển Phòng chuyên môn để tổng hợp giải quyết tiếp.</p>
		Lãnh đạo phòng chuyên môn		Mục I BM 01 Kết quả giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra rà soát nội dung tổng hợp phần Phòng hạ tầng kỹ thuật.</li> <li>- Ký nháy dự thảo kết quả thẩm định kèm bản vẽ và thuyết minh, quy định quản lý theo đồ án chỉnh sửa nếu có (phần kiến trúc trường hợp không đạt);</li> <li>- Ký nháy tờ trình thẩm định, dự thảo quyết định phê duyệt, 03 tập thuyết minh, 03 bộ bản vẽ, 03 tập quy định quản lý theo đồ án (phần kiến trúc trường hợp đạt).</li> </ul>
<b>B.7</b>	<b>Ký duyệt</b>	Lãnh đạo Sở	02 ngày làm việc	Mục I BM 01 Kết quả giải quyết	<p>Lãnh đạo Sở xem xét, ký duyệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký duyệt kết quả thẩm định kèm bản vẽ và thuyết minh, quy định quản lý theo đồ án chỉnh sửa nếu có (trường hợp không đạt);</li> <li>- Kết quả thẩm định hoặc Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt và 03 bộ bản vẽ và 03 tập thuyết minh, 3 tập quy định quản lý theo đồ án, Phiếu báo (trường hợp đạt).</li> </ul>
<b>B.8</b>	<b>Ban hành văn bản</b>	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc	Mục I BM 01 Kết quả giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên viên lấy số, đóng dấu phát hành Kết quả thẩm định, Phiếu báo chuyển bộ tiếp nhận trả kết quả.</li> <li>+ Kết quả thẩm định kèm bản vẽ và thuyết minh, quy định quản lý theo đồ án, chỉnh sửa nếu có (trường hợp không đạt);</li> <li>+ Chuyên viên lấy số, đóng dấu Tờ trình kèm 03 thuyết minh, 03 bộ bản vẽ, quy định quản lý theo đồ án, dự thảo Quyết định phê duyệt trình UBND Thành phố; Phiếu báo (trường hợp đạt)</li> </ul>

<b>B.9</b>	<b>Trả kết quả</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Kết thúc	Mục I BM 01 Kết quả giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả thẩm định kèm bản vẽ và thuyết minh, quy định quản lý theo đồ án, chỉnh sửa nếu có (trường hợp không đạt);</li> <li>- Tờ trình kèm 03 thuyết minh, 03 bộ bản vẽ, quy định quản lý theo đồ án, dự thảo Quyết định phê duyệt trình UBND Thành phố; Phiếu báo gửi chủ đầu tư (trường hợp đạt).</li> </ul>
------------	--------------------	----------------------------------	----------	--------------------------------------	---

#### IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3	BM 03	Mẫu phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ

#### V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
	//	Thành phần hồ sơ theo Mục I
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3	BM 03	Mẫu phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
5	//	Các hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

#### VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;



- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2536/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính  
trong lĩnh vực quy hoạch - kiến trúc thuộc thẩm quyền tiếp nhận  
của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt phương án tái cấu trúc, đơn giản hóa thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 1359/TTr-SQHKT ngày 20 tháng 4 năm 2023,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này 02 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc theo các tiêu chí, phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-boTTHC.aspx>

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP tại các cơ quan, đơn vị.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH****Phan Văn Mãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
LĨNH VỰC QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP  
NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, QUẬN, HUYỆN**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2536/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ**

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I. Lĩnh vực quy hoạch - kiến trúc</b>		
1.	Thẩm định Đồ án, Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	
2.	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	

**QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ TÁI CẤU TRÚC**  
**QUY TRÌNH SỐ 01**

**Thẩm định Đồ án, Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2536/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án	03	Bản chính
2	Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ.	03	Bản chính
3	Dự thảo quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch	01	Bản chính
4	(*) Phụ lục kèm theo thuyết minh	03	Bản chính
4	Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch	01	Bản chính
5	(**) Thành phần bản vẽ	03	Bản chính
6	Các văn bản pháp lý có liên quan	03	Bản sao

**II. II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ**

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
<b>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND quận - huyện, thành phố Thủ Đức,</b>	25 ngày, (tương đương 19 ngày làm việc) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

### III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân		Mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
B.1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5 ngày làm việc	- BM1 - BM2 - BM3.	<p><b>1. Tiếp nhận trực tiếp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</li> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03</li> </ul> <p><b>2. Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</li> <li>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ</li> </ul>

					<p>sơ theo yêu cầu =&gt; thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p> <p>Bộ phận một cửa chuyển hồ sơ về chuyên viên thụ lý hồ sơ phòng Quản lý đô thị</p>
<b>B2</b>	<b>Thẩm định, báo cáo hội đồng thẩm định</b>	Chuyên viên Phòng Quản lý đô thị	5,0 ngày làm việc	Mục I BM 01 Dự thảo kết quả	Tham mưu nội dung báo Hội đồng thẩm định trình Lãnh đạo phòng Quản lý đô thị.
<b>B3</b>	<b>Xem xét</b>	Lãnh đạo Phòng Quản lý đô thị	2,0 ngày làm việc	Mục I BM 01 Dự thảo kết quả	Lãnh đạo Phòng Quản lý đô thị kiểm tra nội dung đề xuất của chuyên viên thụ lý; ký xác nhận nội dung.
<b>B.4</b>	<b>Họp Hội đồng thẩm định</b>	Hội đồng thẩm định	01 ngày làm việc	Mục I BM 01 Biên bản hội đồng	Tổ chức họp Hội đồng thẩm định theo quy chế hoạt động của Hội đồng; Lập Biên bản Hội đồng chuyển Phòng Quản lý đô thị để giải quyết tiếp B.4.
<b>B.5</b>	<b>Xử lý sau khi có kết luận của Hội đồng</b>	Chuyên viên Phòng Quản lý đô thị	2,0 ngày làm việc	Mục I BM 01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự thảo kết quả thẩm định kèm bộ bản vẽ, thuyết minh, quy định quản lý theo đồ án - chỉnh sửa nếu có (trường hợp Hội đồng không thống nhất).</li> <li>- Dự thảo văn bản lấy ý kiến thống nhất của Sở Quy hoạch</li> <li>- Kiến trúc (trường hợp Hội đồng thống nhất).</li> </ul>
		Lãnh đạo Phòng Quản lý đô thị	01 ngày làm việc	Mục I BM 01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký duyệt kết quả thẩm định, kèm Bộ bản vẽ, thuyết minh, quy định quản lý theo Đồ án - chỉnh sửa nếu có (trường hợp Hội đồng không</li> </ul>

					<p>thống nhất).</p> <p>- Ký duyệt văn bản lấy ý kiến Sở Quy hoạch - Kiến trúc (trường hợp Hội đồng thống nhất).</p>
<b>B.6</b>	<b>Phát hành văn bản</b>	Chuyên viên Phòng Quản lý đô thị.	0,5 ngày làm việc	Mục I BM 01 Kết quả giải quyết	<p>- Chuyên viên lấy số, đóng dấu phát hành kết quả giải quyết, chuyển bộ tiếp nhận trả kết quả:</p> <p>+Trường hợp Hội đồng không thống nhất: kết quả thẩm định kèm bộ bản vẽ, thuyết minh, quy định quản lý theo đề án - chỉnh sửa nếu có; chuyển sang (B.9) và kết thúc hồ sơ.</p> <p>+Trường hợp Hội đồng thống nhất: văn bản lấy ý kiến Sở Quy hoạch - Kiến trúc kèm hồ sơ liên quan, chuyển sang B.6.</p>
<b>B.7</b>	<b>Ý kiến của Sở Quy hoạch - Kiến trúc</b>	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	15 ngày làm việc	hồ sơ	Sở Quy hoạch - Kiến trúc có ý kiến cụ thể đối với các nội dung đề nghị của UBND quận- huyện, thành phố Thủ Đức (thời gian 15 ngày làm việc).
<b>B.8</b>	<b>Hoàn thiện hồ sơ, đề xuất giải quyết</b>	Chuyên viên Phòng Quản lý đô thị	5,5 ngày làm việc	Dự Mục I BM 01 Dự thảo kết quả giải quyết	<p>- Dự thảo Kết quả thẩm định, kèm bộ bản vẽ, thuyết minh, quy định quản lý theo Đề án - chỉnh sửa nếu có (trường hợp không đạt).</p> <p>- Dự thảo Tờ trình thẩm định, kèm dự thảo Quyết định phê duyệt, 03 bộ bản vẽ, 03 tập thuyết minh, 03 tập quy định quản lý theo Đề án, Phiếu báo trình lãnh đạo Phòng (trường hợp đạt)</p>



<b>B.9</b>	<b>Xem xét</b>	Lãnh đạo phòng Quản lý đô thị	1,0 ngày làm việc	Dự Mục I BM 01 Dự thảo Kết quả giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra và ký duyệt Kết quả thẩm định kèm bộ bản vẽ, tập thuyết minh, quy định quản lý - chỉnh sửa nếu có (trường hợp không đạt).</li> <li>- Kiểm tra và ký duyệt Tờ trình thẩm định kèm dự thảo Quyết định phê duyệt, 03 bộ bản vẽ, 03 tập thuyết minh, 03 tập quy định quản lý theo đồ án, Phiếu báo (trường hợp đạt).</li> </ul>
<b>B.10</b>	<b>Phát hành, Trả kết quả</b>	Chuyên viên Phòng Quản lý đô thị	0,5 ngày làm việc	Dự Mục I BM 01 Kết quả giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên viên lấy số, đóng dấu phát hành kết quả giải quyết, chuyển bộ tiếp nhận trả kết quả:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kết quả thẩm định bộ bản vẽ, tập thuyết minh, quy định quản lý theo đồ án - chỉnh sửa nếu có (trường hợp không đạt).</li> <li>+ Tờ trình thẩm định kèm dự thảo Quyết định, 03 bộ bản vẽ, 03 tập thuyết minh, 03 tập quy định quản lý theo đồ án; trình lãnh đạo UBND quận, huyện và Phiếu báo (trường hợp đạt).</li> </ul> </li> </ul>
		Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Kết thúc	Kết quả giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả kết quả thẩm định bộ bản vẽ, tập thuyết minh, quy định quản lý theo đồ án - chỉnh sửa nếu có (trường hợp không đạt).</li> <li>- Phiếu báo (trường hợp đạt).</li> </ul>

**IV. BIỂU MẪU**

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)

3	BM 03	Mẫu phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
---	-------	--

### V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
	//	Thành phần hồ sơ theo Mục I
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3	BM 03	Mẫu phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
5	//	Các hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

### VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

---

- Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng./.

**QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ TÁI CẤU TRÚC  
QUY TRÌNH SỐ 02**

**Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết  
của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh  
thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2536/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Tờ trình đề nghị thẩm định Nhiệm vụ	03	Bản chính
2	Thuyết minh nội dung Nhiệm vụ	03	Bản chính
3	Dự thảo Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ	01	Bản chính
4	Thành phần bản vẽ (*)	03	Bản chính
5	Các văn bản pháp lý có liên quan	03	Bản sao

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ**

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
<b>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND quận - huyện, thành phố Thủ Đức.</b>	20 ngày (tương đương 15 ngày làm việc) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

**III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC**

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
<b>B.1</b>	<b>Nộp hồ sơ</b>	Tổ chức, cá nhân		Mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I

	<p style="text-align: center;"><b>Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ</b></p>	<p style="text-align: center;">Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</p>	<p style="text-align: center;">0,5 ngày làm việc</p>	<p style="text-align: center;">- BM1 - BM2 - BM3.</p> <p><b>1. Tiếp nhận trực tiếp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</li> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03</li> </ul> <p><b>2. Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</li> <li>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu</li> </ul> <p>=&gt; thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không</p>
--	---	---	--	--

					<p>muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p> <p>Bộ phận một cửa chuyển hồ sơ về chuyên viên thụ lý hồ sơ phòng Quản lý đô thị</p>
<b>B2</b>	<b>Thẩm định, báo cáo hội đồng thẩm định</b>	Chuyên viên Phòng Quản lý đô thị	3,0 ngày làm việc	Mục I BM 01 Dự thảo kết quả	Tham mưu nội dung báo Hội đồng thẩm định trình Lãnh đạo phòng Quản lý đô thị.
<b>B3</b>	<b>Xem xét</b>	Lãnh đạo Phòng Quản lý đô thị	2,0 ngày làm việc	Mục I BM 01 Dự thảo kết quả	Lãnh đạo Phòng Quản lý đô thị kiểm tra nội dung đề xuất của chuyên viên thụ lý; ký xác nhận nội dung.
<b>B.4</b>	<b>Họp hội đồng thẩm định</b>	Hội đồng thẩm định	01 ngày làm việc	Mục I BM 01 Biên bản hội đồng	Tổ chức họp Hội đồng thẩm định theo quy chế hoạt động của Hội đồng; Lập Biên bản Hội đồng
<b>B.5</b>	<b>Xử lý sau khi có kết luận của Hội đồng</b>	Chuyên viên Phòng Quản lý đô thị	3,0 ngày làm việc	Mục I BM 01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự thảo kết quả thẩm định kèm bản vẽ, thuyết minh - chỉnh sửa nếu có (trường hợp Hội đồng không thống nhất).</li> <li>- Dự thảo văn bản lấy ý kiến thống nhất của Sở Quy hoạch - Kiến trúc (trường hợp Hội đồng thống nhất).</li> </ul>
		Lãnh đạo Phòng Quản lý đô thị	01 ngày làm việc	Mục I BM 01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký duyệt kết quả thẩm định (trường hợp Hội đồng không thống nhất).</li> <li>- Ký duyệt văn bản lấy ý kiến Sở Quy hoạch - Kiến trúc (trường hợp Hội đồng thống nhất).</li> </ul>

<b>B.6</b>	<b>Phát hành văn bản,</b>	Chuyên viên Phòng Quản lý đô thị.	0,5 ngày làm việc	Mục I BM 01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên viên lấy số, đóng dấu phát hành kết quả giải quyết chuyển bộ tiếp nhận trả kết quả:</li> <li>+ Trường hợp Hội đồng không thống nhất: kết quả thẩm định kèm bộ bản vẽ, thuyết minh - chỉnh sửa nếu; chuyển sang B.9, kết thúc hồ sơ.</li> <li>+ Trường hợp Hội đồng thống nhất: văn bản lấy ý kiến Sở Quy hoạch - Kiến trúc kèm hồ sơ liên quan, chuyển sang B.6.</li> </ul>
<b>B.7</b>	<b>Ý kiến của Sở Quy hoạch - Kiến trúc</b>	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	15 ngày làm việc	hồ sơ	Sở Quy hoạch - Kiến trúc có ý kiến cụ thể bằng văn bản đối với các nội dung đề nghị của UBND quận - huyện, thành phố Thủ Đức (thời gian 15 ngày làm việc).
<b>B.8</b>	<b>Hoàn thiện hồ sơ, đề xuất giải quyết</b>	Chuyên viên Phòng Quản lý đô thị.	3,5 ngày làm việc	Mục I BM 01 - Dự thảo Kết quả giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự thảo kết quả thẩm định, kèm bộ bản vẽ, tập thuyết minh - chỉnh sửa nếu có (trường hợp không đạt).</li> <li>- Dự thảo Tờ trình thẩm định, kèm dự thảo Quyết định phê duyệt, 03 bộ bản vẽ, 03 tập thuyết minh, dự thảo Phiếu báo trình lãnh đạo Phòng (trường hợp đạt).</li> </ul>
<b>B.9</b>	<b>Xem xét</b>	Lãnh đạo Phòng Quản lý đô thị.	1,0 ngày làm việc	Mục I BM 01 - Dự thảo kết quả giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra và ký duyệt Kết quả thẩm định kèm bộ bản vẽ, tập thuyết minh chỉnh sửa nếu có (trường hợp không đạt).</li> <li>- Kiểm tra và ký duyệt Tờ trình thẩm định kèm dự thảo Quyết định phê duyệt,</li> </ul>

					03 bộ bản vẽ, 03 tập thuyết minh, Phiếu báo (trường hợp đạt).
<b>B.10</b>	<b>Phát hành, Trả kết quả</b>	Chuyên viên Phòng Quản lý đô thị	0,5 ngày làm việc	Mục I BM 01 - Kết quả giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên viên lấy số, đóng dấu phát hành kết quả giải quyết, chuyển bộ tiếp nhận trả kết quả: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kết quả thẩm định bộ bản vẽ, tập thuyết minh - chỉnh sửa nếu có (trường hợp không đạt).</li> <li>+ Tờ trình thẩm định kèm dự thảo Quyết định, 03 bộ bản vẽ, 03 tập thuyết minh; trình lãnh đạo UBND quận, huyện và Phiếu báo (trường hợp đạt).</li> </ul> </li> </ul>
		Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả		Dự Mục I BM 01 Kết quả giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả kết quả thẩm định, bộ bản vẽ, tập thuyết minh - chỉnh sửa nếu có (trường hợp không đạt).</li> <li>- Phiếu báo (trường hợp đạt).</li> </ul>

**IV. BIỂU MẪU**

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3	BM 03	Mẫu phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ

**V. HỒ SƠ CẦN LƯU**

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
	//	Thành phần hồ sơ theo Mục I
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3	BM 03	Mẫu phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	//	Các hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành



## VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2550/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 6 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình chuyển đổi số  
trong giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh  
đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 601/QĐ-LĐTBXH ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số của Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 12225/SLĐTBXH-GDNN ngày 05 tháng 6 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Anh Đức**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**  
*(Kèm theo Quyết định số 2550/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu chung**

Chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nhằm triển khai các hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên môi trường số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy học, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá giúp tăng cường hiệu quả công tác quản lý và mở rộng phương thức cũng như cơ hội tiếp cận giáo dục nghề nghiệp tạo ra đột phá về chất lượng, tăng nhanh số lượng đào tạo góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có kỹ năng nghề, tăng năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

#### **2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025**

##### **2.1. Phát triển năng lực số cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp**

- Có 70% nhà giáo và cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng bổ sung nâng cao năng lực số, kỹ năng, phương pháp sư phạm phù hợp để triển khai đào tạo trên môi trường số.

- Có 70% nhà giáo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được đào tạo, bồi dưỡng phát triển học liệu số.

##### **2.2. Đổi mới và phát triển chương trình đào tạo**

- Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của các trình độ được tích hợp năng lực số, có nội dung đào tạo phù hợp với phương thức chuyển đổi số đạt tỷ lệ 70%.

### ***2.3. Hạ tầng, nền tảng và học liệu số***

- Hình thành nền tảng số giáo dục nghề nghiệp Thành phố và kho học liệu, tài nguyên số dùng chung phục vụ cho hoạt động dạy và học.

- Hơn 70% các trường cao đẳng, trường trung cấp có hạ tầng số, nền tảng số để kết nối, khai thác với nền tảng số giáo dục nghề nghiệp Thành phố.

### ***2.4. Quản lý số và quản trị số***

- 100% các trường cao đẳng, trung cấp số hóa quá trình học tập, kết quả học tập, văn bằng giáo dục nghề nghiệp của người học và kết nối, tích hợp dữ liệu lên môi trường số.

- 100% báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về giáo dục nghề nghiệp được thực hiện trên môi trường số và kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Tỷ lệ kiểm tra chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý đạt 60%.

- Hình thành bản đồ số mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

## **3. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030**

### ***3.1. Phát triển năng lực số cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp***

- 100% nhà giáo và cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng bổ sung nâng cao năng lực số, kỹ năng, phương pháp sư phạm phù hợp để triển khai đào tạo trên môi trường số.

- 100% nhà giáo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được đào tạo, bồi dưỡng phát triển học liệu số.

### ***3.2. Đổi mới và phát triển chương trình đào tạo***

- Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của các trình độ được tích hợp năng lực số, có nội dung đào tạo phù hợp với phương thức chuyển đổi số đạt tỷ lệ 100%.

### ***3.3. Hạ tầng, nền tảng và học liệu số***

- 100% các trường cao đẳng, trường trung cấp có hạ tầng số, nền tảng số để kết nối, khai thác với nền tảng số giáo dục nghề nghiệp Thành phố và quốc gia.

### **3.4. Quản lý số và quản trị số**

- 100% các cơ sở giáo dục nghề nghiệp số hóa quá trình học tập, kết quả học tập, văn bằng giáo dục nghề nghiệp của người học và kết nối, tích hợp dữ liệu lên môi trường số.

- Tỷ lệ kiểm tra chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý đạt 80%.

- Liên kết bản đồ số mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các hệ thống chứng thực và tra cứu thông tin giáo dục nghề nghiệp.

## **II. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Xây dựng hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách phục vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp**

**1.1.** Rà soát, triển khai hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan và chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

**1.2.** Áp dụng các tiêu chuẩn về trường học số, hạ tầng số, phòng thực hành số, giáo trình số, chương trình đào tạo số, ứng dụng công nghệ thực tế ảo, thực tế ảo tăng cường, thực tế hỗn hợp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

**1.3.** Ban hành cơ chế, chính sách thu hút tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia đầu tư phát triển, xây dựng hệ sinh thái số giáo dục nghề nghiệp; khuyến khích việc tài trợ và đóng góp, ủng hộ vật chất cũng như các điều kiện khác thực hiện chuyển đổi số hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

**1.4.** Nghiên cứu, đề xuất các chính sách hỗ trợ cho người dạy, người học, nhà quản lý, cơ sở giáo dục nghề nghiệp để thực hiện các hoạt động chuyển đổi số giáo dục nghề nghiệp.

**1.5.** Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

**1.6.** Đơn vị phối hợp: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

**1.7.** Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2024 - 2030.

### **2. Phát triển chương trình, nội dung đào tạo các cấp trình độ giáo dục nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của chuyển đổi số trong nền kinh tế và hội nhập quốc tế**

**2.1.** Xác định kiến thức và kỹ năng số cơ bản và nâng cao đối với người lao động trên môi trường số; lồng ghép vào chương trình đào tạo, các môn học liên quan tới kỹ năng số, công nghệ thông tin nhằm cung cấp các kỹ năng số cơ bản, nâng cao cho người học.

**2.2.** Dự báo các năng lực và kỹ năng số cần có của ngành, nghề, đặc biệt là các ngành nghề phục vụ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cập nhật, bổ sung, chỉnh sửa và xây dựng mới chuẩn kiến thức, năng lực thực hiện cho các ngành nghề đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số.

**2.3.** Phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao, các ngành nghề chuyên về công nghệ thông tin, công nghệ số phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

**2.4.** Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

**2.5.** Đơn vị phối hợp: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

**2.6.** Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2024 - 2030.

### **3. Phát triển hạ tầng, nền tảng, thiết bị và học liệu số**

#### **3.1. Hạ tầng số**

- Tăng cường đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị, hệ thống an toàn thông tin phục vụ quản lý, điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Ưu tiên hình thức thuê, hợp tác công tư trong đầu tư hạ tầng số, thiết bị thực tập số, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành ảo, phòng học thông minh, các thiết bị phát triển học liệu số... phục vụ cho quá trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2024 - 2030.

#### **3.2. Hạ tầng dữ liệu**

- Xây dựng nền tảng hạ tầng cơ sở dữ liệu lớn phục vụ báo cáo tổng hợp và phân tích nhu cầu giáo dục nghề nghiệp, phân tích chất lượng dạy và học, hỗ trợ công tác tuyển sinh và các nghiệp vụ khác.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2024 - 2030.

### **3.3. Nền tảng số và học liệu số**

- Đầu tư xây dựng nền tảng học liệu số toàn ngành giáo dục nghề nghiệp theo nguyên tắc kết hợp học liệu mở với xây dựng thị trường trao đổi học liệu. Ưu tiên đầu tư, phát triển các học liệu số theo hướng ứng dụng công nghệ thực tế ảo, thực tế ảo tăng cường và thực tế hỗn hợp.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2024 - 2030.

## **4. Phát triển năng lực số cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp và đổi mới phương pháp dạy và học**

**4.1.** Đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số cho nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp.

**4.2.** Triển khai tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng các phương pháp dạy và học mới cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, người dạy trong các đơn vị sản xuất kinh doanh dịch vụ. Áp dụng hình thức học tập thích nghi, phối kết hợp hài hòa việc dạy và học trực tiếp tại trường với việc dùng các công nghệ, học liệu số, thiết bị thật, thiết bị ảo, phòng học ảo. Cá nhân hóa việc học tập.

**4.3.** Phát triển đội ngũ cán bộ chuyên về phát triển các ứng dụng số, học liệu số tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

**4.4.** Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

**4.5.** Đơn vị phối hợp: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, tổ chức có liên quan.



**4.6.** Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2024 - 2030.

## **5. Chuyển đổi số hoạt động quản lý nhà nước và quản trị nhà trường**

### **5.1. Chuyển đổi số hoạt động quản lý nhà nước**

- Triển khai hoạt động kiểm tra, hoạt động đảm bảo chất lượng, hoạt động đánh giá kỹ năng nghề thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Nâng cấp Cổng thông tin điện tử giáo dục nghề nghiệp của Thành phố, phần mềm kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về giáo dục nghề nghiệp và kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2024 - 2030.

### **5.2. Chuyển đổi số trong quản trị của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

- Phát triển, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đồng bộ, thống nhất, đảm bảo kết nối, khai thác phục vụ xử lý thông tin theo yêu cầu quản lý, quản trị.

- Số hóa hoạt động của nhà trường, trong đó chú trọng đến quản lý tuyển sinh, đào tạo, đảm bảo chất lượng, phát triển chương trình, quản lý nhà giáo, quản lý học sinh, sinh viên, kết nối doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh việc đảm bảo chất lượng đối với việc dạy học trực tuyến.

- Triển khai việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập, đánh giá kỹ năng nghề trên môi trường số.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2024 - 2030.

## **6. Nâng cao nhận thức và hợp tác quốc tế**

**6.1.** Nâng cao nhận thức của các cấp lãnh đạo, cán bộ quản lý, nhà giáo về vai trò quan trọng và yêu cầu sớm triển khai chuyển đổi số trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp nhằm xây dựng, hình thành hệ sinh thái số giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu của người học và mọi người dân trong nền kinh tế số, xã hội số.

**6.2.** Tăng cường tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp thông qua phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức khác, lồng ghép trong các hoạt động, sự kiện liên quan; chú trọng biểu dương, tôn vinh những tập thể, cá nhân có kết quả tích cực, mang lại hiệu quả trong công tác quản lý, dạy và học từ chuyển đổi số để lan tỏa, nhân rộng.

**6.3.** Tăng cường trao đổi, học tập chia sẻ kinh nghiệm về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp với các quốc gia, tổ chức quốc tế.

**6.4.** Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

**6.5.** Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

**6.6.** Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2024 - 2030.

## **7. Huy động nguồn lực cho quá trình chuyển đổi số giáo dục nghề nghiệp**

**7.1.** Ưu tiên nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước.

**7.2.** Huy động nguồn lực đầu tư, khuyến khích hợp tác theo đối tác công tư từ các tổ chức, doanh nghiệp, từng bước hình thành mô hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong doanh nghiệp.

**7.3.** Tăng cường vận động sự ủng hộ của các tổ chức quốc tế cho hoạt động chuyển đổi số giáo dục nghề nghiệp.

**7.4.** Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

**7.5.** Đơn vị phối hợp: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

**7.6.** Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2024 - 2030.

## **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện gồm: Ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư, tài trợ từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, trong đó:

**1.** Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên (ngân sách Thành phố, quận, huyện đảm bảo trong dự toán được giao hàng năm của các sở, ngành, đơn vị có liên quan để thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch này) và chi đầu tư phát triển (trên cơ sở nguồn vốn, khả năng cân đối của Thành phố), trong đó tăng cường lồng ghép với các đề án, chương trình, kế hoạch liên quan đã được phê duyệt.

2. Huy động các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng trong và ngoài nước cùng tham gia đầu tư, tài trợ kinh phí để nghiên cứu, ứng dụng công nghệ và thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.

3. Nguồn thu hợp pháp của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

4. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức triển khai thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện gửi Ủy ban nhân dân Thành phố và cơ quan chức năng có liên quan.

- Tham mưu trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện quá trình chuyển đổi số trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Kế hoạch; kịp thời đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết những vấn đề có liên quan trong quá trình thực hiện kế hoạch.

##### **2. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Hướng dẫn Sở Lao động - Thương binh và Xã hội giải pháp kỹ thuật triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đảm bảo tuân thủ kiến trúc Chính quyền điện tử Thành phố; hướng dẫn giải pháp kỹ thuật tích hợp và liên thông dữ liệu về kho dữ liệu dùng chung của Thành phố;

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của xã hội về chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.

##### **3. Sở Tài chính**

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước trong từng giai đoạn.

##### **4. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính tham mưu việc bố trí vốn đầu tư công cho các dự án trên cơ sở nguồn vốn, khả năng cân đối của Thành phố để thực hiện Kế hoạch này.

#### **5. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức**

Cụ thể hóa nội dung tại Kế hoạch này, bố trí kinh phí thực hiện trong các chương trình, kế hoạch triển khai hàng năm; chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý triển khai các nội dung liên quan theo đúng quy định.

#### **6. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố**

Căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị và nội dung tại Kế hoạch này, cụ thể hóa, bố trí kinh phí triển khai thực hiện hàng năm theo đúng quy định.

### **V. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO**

Căn cứ Kế hoạch này, yêu cầu các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố theo nhiệm vụ được phân công, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện; báo cáo định kỳ hàng năm (trước ngày 10 tháng 12) hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2552/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 6 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch triển khai và giám sát việc thực hiện  
Cuộc vận động “Người dân Thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường  
và kênh rạch, vì Thành phố sạch, xanh và thân thiện môi trường”  
trong năm 2023**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;*

*Căn cứ Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Cuộc vận động “Người dân thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch và giảm ngập nước”;*

*Căn cứ Báo cáo số 80-BC/TU ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về kết quả 02 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Cuộc vận động “Người dân Thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch và giảm ngập nước”;*

*Căn cứ Quyết định số 3709/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Cuộc vận động “Người dân Thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch, xanh và thân thiện môi trường” giai đoạn năm 2022 - 2025;*

*Căn cứ Công văn số 1012/UBND-TH ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình, đề án thuộc các chương trình đột phá, trọng điểm theo Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ Thành phố và*

*các nội dung, nhiệm vụ trọng tâm do Ban Thường vụ Thành ủy giám sát, chỉ đạo trong năm 2023;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 5486/STNMT-CTR ngày 19 tháng 6 năm 2023 về dự thảo Kế hoạch triển khai và giám sát việc thực hiện Cuộc vận động “Người dân thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch, xanh và thân thiện môi trường” trong năm 2023,*

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai và giám sát việc thực hiện Cuộc vận động “Người dân Thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch, xanh và thân thiện môi trường” trong năm 2023.

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc, phối hợp với các Sở ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận huyện, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố tổ chức triển khai thực hiện các nội dung đã được phân công tại Kế hoạch này; định kỳ trước ngày 20 tháng 6, 20 tháng 9 và 10 tháng 12 năm 2023 tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy tiến độ kết quả thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Bùi Xuân Cường**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

**Triển khai và giám sát việc thực hiện Cuộc vận động “Người dân Thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch, xanh và thân thiện môi trường” trong năm 2023**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

Trên cơ sở Kế hoạch triển khai thực hiện Cuộc vận động “Người dân Thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch, xanh và thân thiện môi trường” (sau đây gọi tắt là “Cuộc vận động”) giai đoạn năm 2022 - 2025 được ban hành kèm theo Quyết định số 3709/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022, Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng kế hoạch triển khai và giám sát việc thực hiện Cuộc vận động như sau:

### **I. MỤC TIÊU**

1. Duy trì, nâng cao những giải pháp được đánh giá đạt hiệu quả để triển khai thực hiện Cuộc vận động nhằm tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia vào hoạt động bảo vệ môi trường, góp phần tạo sự chuyển biến rõ nét về vệ sinh môi trường tại các khu dân cư, cơ quan, đơn vị trú đóng trên địa bàn Thành phố.

2. Giám sát việc triển khai và vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo địa phương, cơ quan, đơn vị trong thực hiện Cuộc vận động để đạt hiệu quả, thực chất.

### **II. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023**

#### **1. Chỉ tiêu phấn đấu**

1.1. Tiếp tục thực hiện và duy trì 100% phường - xã - thị trấn tổ chức đối thoại với nhân dân về thực trạng vấn đề vệ sinh môi trường trên địa bàn để tuyên truyền, vận động ý thức bảo vệ môi trường và lắng nghe góp ý, hiến kế trong công tác quản lý lĩnh vực môi trường; giải quyết 100% các kiến nghị của người dân theo thẩm quyền của phường - xã thị trấn.

1.2. Vận động 100% cơ quan, doanh nghiệp trú đóng trên địa bàn thực hiện ký cam kết không xả rác ra đường, giữ gìn vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị.

1.3. Phân đầu hoàn thành chỉ tiêu 100% lực lượng thu gom rác dân lập chuyển đổi mô hình hoạt động, thành lập Hợp tác xã/Doanh nghiệp/Tổ chức có tư cách pháp nhân.

1.4. Phân đầu đảm bảo các trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành.

1.5. Phân đầu và duy trì tỷ lệ 100% các điểm ô nhiễm môi trường do tồn đọng rác thải được giải quyết, không để tái phát sinh và phát sinh thêm điểm ô nhiễm, tăng tỷ lệ chuyển hóa điểm ô nhiễm thành các khu sinh hoạt cộng đồng.

1.6. 95% khu phố - ấp - sạch, không xả rác ra đường và kênh rạch.

1.7. 70% phường - xã - thị trấn có ít nhất một công trình phát triển mảng xanh tại các khu dân cư hiện hữu.

1.8. 100% hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi, nhà sách... sử dụng các bao bì thân thiện môi trường thay thế túi ni lông khó phân hủy; tiêu thương tại các chợ dân sinh giảm 65% sản phẩm nhựa dùng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học của các tiêu thương tại các chợ dân sinh trong việc đóng gói, đựng sản phẩm cho người tiêu dùng.

1.9. 85% phường - xã - thị trấn đạt tiêu chí “Phường - xã - thị trấn sạch, xanh và thân thiện môi trường”.

## **2. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện**

### **2.1. Sở Tài nguyên và Môi trường**

a) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, các Sở ngành, cơ quan báo đài và các đơn vị có liên quan trong tuyên truyền, vận động nhân dân hưởng ứng Cuộc vận động; Chủ trì tổ chức các sự kiện truyền thông về bảo vệ môi trường cấp Thành phố, xây dựng tài liệu tuyên truyền, tổ chức các hoạt động phù hợp (tập huấn, hội thi, hội thảo, giải thưởng...) nhằm thúc đẩy các phong trào bảo vệ môi trường, tuyên dương và nhân rộng các mô hình tiêu biểu, gương điển hình trong công tác bảo vệ môi trường.

b) Biên soạn nội dung tuyên truyền vận động thực hiện Cuộc vận động, lồng ghép trong các chủ đề truyền thông về bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân



dân Thành phố triển khai việc sử dụng hình ảnh trích xuất từ camera tại các khu dân cư để thực hiện việc xử lý vi phạm về vệ sinh môi trường bằng hình thức gián tiếp từ nhắc nhở trực tiếp, nhắc nhở thông qua tổ dân phố đến xử lý bằng hình thức phạt tiền thông qua hình ảnh ghi nhận được.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các quy định/ kế hoạch triển khai đối với công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, cụ thể như sau: (1) Quy định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản pháp luật liên quan; (2) Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn giai đoạn 2023 - 2025 theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

đ) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận huyện triển khai công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; công tác quét dọn, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và công tác đầu tư xây dựng các trạm trung chuyển ép rác kín tiên tiến, hiện đại tại địa phương.

e) Giao Ban Quản lý các Khu liên hợp xử lý chất thải Thành phố trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ/ đột xuất đối với việc giải quyết các điểm ô nhiễm về rác thải trên địa bàn Thành phố; phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận huyện trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động các điểm tập kết rác thải, trạm trung chuyển, chất lượng vệ sinh đường phố, kênh rạch, , quản lý thùng rác công cộng và nhà vệ sinh công cộng; chuyển kết quả cho Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận huyện để xử lý trong trường hợp không đảm bảo quy định và chất lượng vệ sinh môi trường.

g) Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý và cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố.

h) Thường xuyên theo dõi tiến độ triển khai của các dự án chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sang đốt phát điện, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố cơ chế hỗ trợ, khuyến khích để nhà đầu tư nhanh chóng xây dựng, đưa nhà máy chuyển đổi công nghệ đi vào vận hành.

## **2.2. Sở Văn hóa và Thể thao**

a) Lồng ghép việc thực hiện Cuộc vận động trong Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” để tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng, thực hiện lối sống xanh, thân thiện với môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, không xả

chất thải, chất thải nhựa ở trong và xung quanh khu vực tổ chức hoạt động, lễ hội, sự kiện,... trên địa bàn Thành phố.

b) Phối hợp với Ban chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” quận, huyện và thành phố Thủ Đức tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức của người dân thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng các tuyến đường văn minh, mỹ quan đô thị, đảm bảo trật tự, an toàn giao thông; xây dựng môi trường xanh-sạch-đẹp, ứng xử có văn hóa với môi trường, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất và xử lý thải nhựa để bảo vệ và giảm ô nhiễm môi trường... lồng ghép hình thức tuyên truyền qua các hội thi, hội diễn, triển lãm tranh ảnh, vận động sáng tác âm nhạc, phim ảnh, văn học nghệ thuật có chủ đề về bảo vệ môi trường

### **2.3. Sở Xây dựng**

a) Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án chống ngập trên địa bàn Thành phố; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện xử lý kịp thời các điểm ngập nước cục bộ và ngăn chặn không để phát sinh điểm ngập mới; kiểm tra, xử lý các công trình, nhà cửa xây dựng lấn chiếm cửa xả, hồ ga thoát nước và hệ thống sông, kênh, rạch trên địa bàn Thành phố.

b) Theo dõi và đôn đốc các đơn vị có liên quan thực hiện quản lý, giám sát việc xả rác trên 5 hệ thống kênh rạch chính có chức năng tiêu thoát nước (kênh Hy Vọng, rạch Xuyên Tâm, rạch Nhảy - Ruột Ngựa, rạch Bàu Trâu, rạch Bình Thái) cho khu vực nội thành theo chức năng, nhiệm vụ.

c) Tổ chức thực hiện việc nạo vét, duy tu, bảo dưỡng hệ thống kênh rạch, hệ thống thoát nước theo phân cấp.

### **2.4. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai công tác đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ đốt phát điện theo phương thức đối tác công tư (PPP).

### **2.5. Sở Công Thương**

a) Rà soát, đánh giá kết quả triển khai các thực hiện các chỉ tiêu: (1) 100% hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi, nhà sách... sử dụng các bao bì thân thiện môi trường thay thế túi ni lông khó phân hủy; (2) tiêu thương tại các chợ dân sinh giảm 65% sản phẩm nhựa dùng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học

của các tiểu thương tại các chợ dân sinh trong việc đóng gói, đựng sản phẩm cho người tiêu dùng. Từ đó, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố các giải pháp để duy trì hoặc phấn đấu đạt các chỉ tiêu nêu trên.

b) Hướng dẫn cụ thể cho Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng lộ trình giảm thiểu chất thải nhựa, hạn chế sản phẩm nhựa dùng một lần hoặc thay thế các sản phẩm thân thiện môi trường. Đồng thời, chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức các buổi tuyên truyền về giảm sử dụng túi ni lông và sản phẩm nhựa dùng một lần tại địa phương.

c) Vận động các hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, chợ, nhà sách, cửa hàng tiện lợi cam kết có lộ trình giảm thiểu chất thải nhựa, hạn chế sản phẩm nhựa dùng một lần hoặc thay thế bằng các sản phẩm thân thiện môi trường; không cung cấp miễn phí túi ni lông khó phân huỷ cho khách hàng.

## **2.6. Sở Thông tin và Truyền thông**

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Thành ủy, các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận huyện và các cơ quan báo chí thành phố đẩy mạnh công tác truyền thông trên các kênh thông tin về việc thực hiện Cuộc vận động.

b) Phát hiện các mô hình, công trình, giải pháp, cách làm hay để giới thiệu, nhân rộng mô hình hoạt động hiệu quả trong công tác bảo vệ môi trường.

## **2.7. Sở Giáo dục và Đào tạo**

a) Lồng ghép nội dung triển khai thực hiện Cuộc vận động vào chương trình giảng dạy, ngoại khóa cho học sinh tất cả các bậc học trên địa bàn Thành phố.

b) Tăng cường truyền thông, giáo dục trong giới trẻ, đặc biệt là học sinh, sinh viên về ý thức bảo vệ môi trường thông qua các hành động thiết thực như: trường học xanh, không rác thải bừa bãi, chủ động thu dọn rác thải sau các hoạt động, sự kiện đông người,...

## **2.8. Sở Nội vụ**

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Thành ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các sở, ngành liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ, đánh giá, lựa chọn, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố công nhận các đơn vị đạt tiêu chí “khu phố - ấp sạch, không xả rác ra đường và kênh rạch”, “Công trình, giải pháp, sáng kiến xanh” và “Phường - xã - thị trấn sạch”, “Phường - xã - thị trấn sạch và xanh” và

“Phường - xã - thị trấn sạch, xanh và thân thiện môi trường” cấp Thành phố; đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố hình thức khen thưởng phù hợp.

b) Tham mưu việc lồng ghép đánh giá hiệu quả thực hiện Cuộc vận động vào tiêu chí, tiêu chuẩn thi đua khen thưởng hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

## **2.9. Sở Tài chính**

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí dự toán kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.

## **2.10. Công an Thành phố**

a) Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm về vệ sinh môi trường; đặc biệt các hành vi xả chất thải rắn công nghiệp, xả thải ô nhiễm tại các khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghiệp tập trung

b) Chỉ đạo lực lượng Công an địa phương tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân các cấp trang bị, triển khai mạng lưới hệ thống camera an ninh của chính quyền địa phương trong khu dân cư để phát hiện vi phạm hành chính, phục vụ cho công tác tham mưu cho Ủy ban nhân dân các cấp lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính về vệ sinh môi trường nơi công cộng thông qua hình ảnh trích xuất từ camera theo thẩm quyền, quy định của pháp luật.

## **2.11. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện**

a) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn tiếp tục phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đẩy mạnh và duy trì thường xuyên công tác đối thoại, tuyên truyền và vận động nhân dân, người lao động, tổ chức, doanh nghiệp tham gia bảo vệ môi trường tại địa phương cơ quan, đơn vị với nhiều hình thức phong phú và đa dạng.

b) Triển khai công tác vận động cơ quan, doanh nghiệp trú đóng trên địa bàn thực hiện ký cam kết không xả rác ra đường và kênh rạch, giữ gìn vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị; phấn đấu đạt chỉ tiêu 100% cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện ký cam kết.

c) Duy trì việc triển khai và phát triển phần mềm quản lý trực tuyến để tiếp nhận và xử lý ý kiến, phản ánh của người dân về tình trạng xả rác ra đường, kênh rạch, các điểm gây ô nhiễm môi trường, hành vi vi phạm về môi trường nhanh chóng, kịp thời; giải quyết triệt để các phản ánh của người dân về vệ sinh môi trường và trật tự đô thị theo thẩm quyền.

d) Triển khai các giải pháp nhằm chấn chỉnh tình trạng ô nhiễm môi trường do rác thải theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công văn số 1245/UBND-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2023. Đặc biệt, chú trọng công tác rà soát, giải tỏa các điểm ô nhiễm do tồn đọng rác thải trên địa bàn thành phố, duy trì chất lượng vệ sinh môi trường tại các khu vực đã cải tạo. Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận huyện chịu trách nhiệm giải trình với Ủy ban nhân dân thành phố nếu để phát sinh các điểm ô nhiễm mới hoặc điểm tái ô nhiễm trên đường phố do địa phương quản lý và trên kênh rạch theo phân cấp quản lý.

đ) Tăng cường công tác tuyên truyền đến cộng đồng về ý thức giữ gìn vệ sinh chung nơi công cộng cụ thể: thực hiện việc phân loại chất thải tại nguồn, để rác đúng nơi quy định, không để động vật nuôi phóng uế bừa bãi, giữ gìn vệ sinh chung và tạo môi trường sống sạch, xanh và thân thiện môi trường.

e) Tùy theo tình hình thực tế địa phương, tổ chức, phát động triển khai các phong trào vệ sinh, bảo vệ môi trường nhằm hưởng ứng việc thực hiện Cuộc vận động.

g) Tổ chức lực lượng kiểm tra, tăng cường sử dụng hình ảnh trích xuất từ camera an ninh, camera giao thông để xử lý vi phạm về vệ sinh môi trường bằng nhiều hình thức: nhắc nhở thông qua tổ dân phố, xử lý bằng hình thức phạt tiền thông qua hình ảnh ghi nhận được.

h) Rà soát hiện trạng, thực hiện đầu tư các nhà vệ sinh và lắp đặt thùng rác tại các khu vực công cộng trên địa bàn để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của du khách và người dân Thành phố.

i) Triển khai thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố và có giải pháp kiểm soát tỷ lệ thực hiện phân loại chất thải đúng tại chủ nguồn thải; thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động của lực lượng thu gom rác dân lập thành Hợp tác xã hoặc doanh nghiệp, tổ chức có tư cách pháp nhân đảm bảo đạt tỷ lệ 100% và thực hiện công tác chuyển đổi phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương đảm bảo tiến độ yêu cầu của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công văn số 479/UBND-ĐT ngày 17 tháng 02 năm 2022.

k) Triển khai các quy định về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

l) Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo

vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tại địa phương; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường, trong đó có vi phạm về vệ sinh môi trường, các trường hợp lấn chiếm cửa xả, hầm ga thoát nước, lấp bít miệng thu nước, công trình lấn chiếm kênh rạch.

m) Tổ chức tuyên truyền, vận động đến tất cả người dân, hộ gia đình, tiểu thương tại các chợ dân sinh, chủ nguồn thải giảm sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy, tăng cường sử dụng nguyên vật liệu, sản phẩm tái chế, thân thiện môi trường, khuyến khích sử dụng bao bì, túi đựng nhiều lần gắn với tích cực hưởng ứng Lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ theo tinh thần Thư công số 161/LĐCP ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về kêu gọi chung tay hành động giải quyết vấn đề rác thải nhựa và Kế hoạch tăng cường công tác quản lý, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải nhựa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn năm 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 được ban hành tại Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2022.

n) Chỉ đạo các phường, xã có tuyến đường sắt đi qua, tăng cường vận động người dân giữ gìn vệ sinh, không xả rác vào hành lang an toàn đường sắt, góp phần bảo vệ và làm đẹp cảnh quan của khu vực.

o) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tổ chức thẩm định, công nhận các đơn vị đạt tiêu chí “Khu phố - ấp sạch, không xả rác ra đường và kênh rạch”, “Công trình, giải pháp, sáng kiến xanh” và “Phường - xã - thị trấn sạch, xanh và thân thiện môi trường” cấp quận, huyện trong năm 2023 và kịp thời khen thưởng để tạo động lực duy trì, nhân rộng kết quả đạt được.

## **2.12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố**

a) Tiếp tục phối hợp cùng chính quyền các cấp vận động nhân dân thực hiện công tác đảm bảo vệ sinh môi trường và nhân rộng các mô hình điểm bảo vệ môi trường; phối hợp chặt chẽ với các tổ chức thành viên, các tổ chức tôn giáo nâng cao hiệu quả chương trình “Toàn dân tham gia bảo vệ môi trường” gắn với các mô hình, giải pháp thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” góp phần xây dựng diện mạo khu dân cư nông thôn mới, đô thị văn minh sáng - xanh - sạch - đẹp, khu dân cư văn hóa.

b) Phối hợp tổ chức giám sát, đề nghị công nhận các danh hiệu theo các nội dung của Quyết định số 4700/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban

nhân dân Thành phố về ban hành tiêu chí và quy trình công nhận “Khu phố - ấp sạch, không xả rác ra đường và kênh rạch”, “Phường - xã - thị trấn không xả rác ra đường và kênh rạch” và “Công trình, giải pháp, sáng kiến xanh” và Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành tiêu chí và quy trình công nhận “Phường, xã, thị trấn sạch”, “Phường, xã, thị trấn sạch và xanh” và “Phường, xã, thị trấn sạch, xanh và thân thiện môi trường”.

c) Chủ trì xây dựng 1.000 khu dân cư sạch đẹp theo Nghị quyết Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố nhiệm kỳ 2019 - 2024.

d) Giám sát cán bộ, công chức và cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và phối hợp tổ chức phản biện các nội dung dự thảo liên quan đến công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường do cơ quan quản lý nhà nước triển khai, ban hành góp phần mang đến hiệu quả, tính thiết thực, tạo sự đồng thuận trong nhân dân khi triển khai.

đ) Phát huy vai trò tích cực của người đứng đầu, chức sắc tôn giáo, người có uy tín, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên trong công tác vận động, nâng cao nhận thức, trách nhiệm và ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường.

e) Thường xuyên thực hiện công tác giám sát việc tổ chức thực hiện Cuộc vận động, nhất là giám sát trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp.

g) Kịp thời phát hiện, biểu dương các mô hình, công trình, giải pháp, cách làm hay để nhân rộng, tạo sự lan tỏa trong cộng đồng dân cư

### **2.13. Đề nghị Thành đoàn Thành phố**

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và vận động đoàn viên, thanh niên, người dân Thành phố trong các hoạt động tham gia bảo vệ môi trường, xây dựng nếp sống văn minh, mỹ quan đô thị; đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các trang mạng xã hội, chuyển tải các hình ảnh đẹp, câu chuyện đẹp về bảo vệ môi trường, nếp sống văn minh, gắn với thực hiện Cuộc vận động “*Mỗi ngày một tin tốt, mỗi tuần một câu chuyện đẹp*”.

b) Thường xuyên tổ chức tập huấn và hướng dẫn đoàn viên, thanh niên và người dân phân loại rác thải tại nguồn; duy trì tổ chức các Ngày Chủ nhật xanh, Ngày hội Sống xanh, chương trình “*30 phút vì Thành phố Xanh - Sạch - Đẹp*”; triển khai các mô hình cộng đồng hành động “*Chống rác thải nhựa*”, đẩy mạnh xây dựng chung cư, chợ dân sinh giảm thiểu rác thải nhựa.

c) Tiếp tục triển khai, vận động đoàn viên, thanh niên phát huy chuyên môn, đóng góp ý tưởng, sáng kiến, hiến kế, giải pháp, đề tài nghiên cứu khoa học trong các hoạt động xây dựng Thành phố “*Văn minh - sạch đẹp - an toàn*” trên Cổng thông tin ý tưởng sáng tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

### **III. CÔNG TÁC GIÁM SÁT VIỆC TRIỂN KHAI CUỘC VẬN ĐỘNG**

#### **1. Nội dung giám sát**

Giám sát kết quả triển khai Cuộc vận động “Người dân Thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch, xanh và thân thiện môi trường” năm 2022 và năm 2023.

#### **2. Đối tượng giám sát:**

- a) Các Sở ngành Thành phố.
- b) Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận huyện.

#### **3. Thời gian giám sát:**

- a) Đợt 1: dự kiến trong tháng 8 năm 2023.
- b) Đợt 2: dự kiến trong tháng 11 năm 2023.

#### **4. Thành phần đoàn giám sát:**

- a) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Bùi Xuân Cường - Trưởng đoàn.
- b) Đại diện lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố - Phó trưởng đoàn.
- c) Đại diện lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường - Thành viên.
- d) Đại diện Ban Dân vận Thành ủy - Thành viên.
- đ) Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố - Thành viên.
- e) Đại diện Sở Văn hóa và Thể thao - Thành viên.
- g) Đại diện Sở Xây dựng - Thành viên
- h) Đại diện Sở Công thương - Thành viên.

5. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố về thời gian cụ thể, đối tượng giám sát và tổ chức đoàn kiểm tra, giám sát theo quy định.



#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận huyện có trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này. Định kỳ trước ngày 10 tháng 6, 10 tháng 9 và 01 tháng 12 năm 2023 báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao cho Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để tổng hợp, báo cáo kết quả cho Ban Thường vụ Thành ủy.

#### **2. Kinh phí thực hiện:**

a) Kinh phí thực hiện Kế hoạch được đảm bảo theo nguyên tắc sử dụng có hiệu quả ngân sách nhà nước và ưu tiên huy động từ nguồn xã hội hóa.

b) Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai thực hiện Kế hoạch căn cứ chế độ, tiêu chuẩn, nội dung chi, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để lập dự toán, gửi Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí dự toán kinh phí theo quy định.

c) Trên cơ sở dự toán được giao, các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trong việc phân bổ dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch trên tinh thần tiết kiệm và theo đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận huyện phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết./.

**PHỤ LỤC**  
**BẢNG PHÂN CÔNG THỰC HIỆN**  
**CÁC CHỈ TIÊU PHẤN ĐÁU TRONG NĂM 2023 NHẪM THỰC HIỆN CUỘC VẬN ĐỘNG**  
*(Kèm theo Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị chủ trì thực hiện</b>	<b>Đơn vị giám sát thực hiện</b>
1	Tiếp tục thực hiện và duy trì 100% phường - xã - thị trấn tổ chức đối thoại với nhân dân về thực trạng vấn đề vệ sinh môi trường trên địa bàn để tuyên truyền, vận động ý thức bảo vệ môi trường và lắng nghe góp ý, hiến kế trong công tác quản lý lĩnh vực môi trường; giải quyết 100% các kiến nghị của người dân theo thẩm quyền của phường - xã thị trấn	Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	Sở Tài nguyên và Môi trường
2	Vận động 100% cơ quan, doanh nghiệp trú đóng trên địa bàn thực hiện ký cam kết không xả rác ra đường, giữ gìn vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị	Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	Sở Tài nguyên và Môi trường
3	Phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu 100% lực lượng thu gom rác dân lập chuyển đổi mô hình hoạt động, thành lập Hợp tác xã/Doanh nghiệp/Tổ chức có tư cách pháp nhân	Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	Sở Tài nguyên và Môi trường
4	Phấn đấu đảm bảo các trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành	Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	Sở Tài nguyên và Môi trường
5	Phấn đấu và duy trì tỷ lệ 100% các điểm ô nhiễm môi trường do tồn đọng rác thải được giải quyết, không để tái phát sinh và phát sinh thêm	Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức	Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị giám sát thực hiện
	điểm ô nhiễm, tăng tỷ lệ chuyển hóa điểm ô nhiễm thành các khu sinh hoạt cộng đồng	Đức và các quận, huyện	Môi trường
6	95% khu phố - ấp - sạch, không xả rác ra đường và kênh rạch	Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	Sở Tài nguyên và Môi trường
7	70% phường - xã - thị trấn có ít nhất một công trình phát triển mảng xanh tại các khu dân cư hiện hữu	Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	Sở Xây dựng
8	100% hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi, nhà sách... sử dụng các bao bì thân thiện môi trường thay thế túi ni lông khó phân hủy; tiêu thương tại các chợ dân sinh giảm 65% sản phẩm nhựa dùng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học của các tiêu thương tại các chợ dân sinh trong việc đóng gói, đựng sản phẩm cho người tiêu dùng.	Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	Sở Công thương
9	85% phường - xã - thị trấn đạt tiêu chí “Phường - xã - thị trấn sạch, xanh và thân thiện môi trường”	Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	Sở Tài nguyên và Môi trường

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng